

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 68/2016/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 09 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ
chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 04 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy định tại Nghị quyết này tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khoá XI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 68 /2016/NQ-HĐND
ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

2. Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017-2020, thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban ngành, đơn vị dự toán khối tỉnh (gọi chung là đơn vị khối tỉnh); các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện).

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Chương II NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYẾN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương (NSDP) năm 2017

1. Góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh, cũng như từng Sở, ngành, đơn vị khối tỉnh và từng huyện trong giai đoạn đến năm 2020; ưu tiên bố trí kinh phí cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khoa học công nghệ, môi trường, y tế và cho địa bàn vùng cao, vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn.

2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên nhằm cơ cấu lại ngân sách trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy, điều chỉnh định mức chi hành chính, tinh giản biên chế, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và thu nhập cho người lao động.

3. Góp phần đẩy mạnh đổi mới khu vực sự nghiệp công gắn với lộ trình điều chỉnh giá, phí theo hướng tính đủ chi phí, kết hợp cơ cấu lại ngân sách trên cơ sở giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách; khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế xã hội.

4. Tiêu chí của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và dễ kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, thúc đẩy cải cách hành chính.

5. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính đơn vị khối tỉnh với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài, ưu tiên mức phân bổ kinh phí cho khối cơ quan kiểm tra, thanh tra.

6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách địa phương tuân thủ thêm một số nguyên tắc sau:

- Tiêu chí dân số chia theo hai vùng: Miền núi và vùng cao là tiêu chí chính, kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương.

- Bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương ban hành đến ngày 31 tháng 5 năm 2016 (chưa bao gồm các chính sách tăng thêm do tiêu chí chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều và các chính sách ngân sách nhà nước hỗ trợ khi có đối tượng tham gia như kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ; hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; bảo hiểm y tế cho hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình).

- Tổng dự toán chi thường xuyên của các địa phương và dự toán chi thường xuyên của lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ được tính theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2016 Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương các đơn vị khối tỉnh giai đoạn 2017-2020

1. Phân bổ dự toán chi quản lý hành chính

1.1 Tiêu chí:

- Căn cứ số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao chia theo nhóm và theo phương pháp lũy thoái (định mức giảm dần đối với số biên chế được giao). Áp dụng hệ số bổ sung theo nhóm đơn vị hành chính thực hiện nhiệm vụ tương đồng.

- Ngoài dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo số biên chế, các đơn vị được phân bổ kinh phí để đảm bảo chi tiền lương và các khoản có tính chất

tiền lương theo chế độ quy định và kinh phí để đảm bảo nhiệm vụ đặc thù, cụ thể của từng đơn vị.

1.2. Định mức phân bổ:

a) Định mức phân bổ theo tiêu chí biên chế:

- Đơn vị từ 10 biên chế trở xuống : 32 triệu đồng/biên chế/năm.
- Đơn vị từ 11 đến 30 biên chế : 29 triệu đồng/biên chế/năm.
- Đơn vị từ 31 đến 50 biên chế : 27 triệu đồng/biên chế/năm.
- Đơn vị từ 51 đến 200 biên chế : 25 triệu đồng/biên chế/năm.
- Đơn vị từ 201 biên chế trở lên : 23 triệu đồng/biên chế/năm.

b) Hệ số bổ sung:

- Đơn vị thuộc khối Đảng, Đoàn thể; Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh: 2

- Các Sở Kế hoạch, Tài chính, Nội Vụ và Ban Dân tộc: 1,5

- Các Sở ngành có các đơn vị dự toán trực thuộc: 1,3

- Các đơn vị dự toán có bộ máy hoạt động tại các huyện: 1,2

c) Hệ số bổ sung hoạt động kiểm tra, thanh tra: Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy 0,5; Thanh tra tỉnh 0,3; Thanh tra chuyên ngành tại các Sở 0,1

2. Phân bổ dự toán chi các đơn vị sự nghiệp công lập

Căn cứ mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện hỗ trợ chi thường xuyên cho các đơn vị theo quy định của pháp luật có liên quan về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Các Sở, ngành, đơn vị dự toán cấp I đẩy nhanh giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập và việc tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo đúng lộ trình đã đề ra, qua đó giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ NSNN cho khu vực này để tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, tăng chi mua sắm sửa chữa và tăng chi đầu tư phát triển.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp) thực hiện theo quy định hiện hành, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời gian 3 năm và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách theo quy định.

Định mức chi bộ máy sự nghiệp: Đơn vị từ 10 biên chế trở xuống: 25 triệu đồng/biên chế/năm; từ 11 đến 30 biên chế: 23 triệu đồng/biên chế/năm; từ 31 đến 50 biên chế: 21 triệu đồng/biên chế/năm; trên 50 biên chế: 19 triệu đồng/biên chế/năm. Trên cơ sở quỹ tiền lương, phụ cấp, chi thường xuyên theo định mức xác định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên.

3. Phân bổ dự toán chi quốc phòng, an ninh

Đối với nhiệm vụ chi quốc phòng, an ninh của ngân sách tỉnh căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách, nhiệm vụ theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách để phân bổ cho phù hợp.

Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho các huyện giai đoạn 2017-2020

1. Tiêu chí và định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường (từ 1 - 18 tuổi) và các tiêu chí bổ sung quy định tại điểm c khoản này.

b) Định mức phân bổ theo dân số trong độ tuổi đến trường từ 1 - 18 tuổi.

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	2.210.000
Vùng cao	4.505.000

Định mức phân bổ nêu trên bao gồm tính đủ cho các cấp giáo dục, các loại hình giáo dục, các chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, bán trú theo chế độ quy định, chính sách ưu tiên đối với lĩnh vực giáo dục đã ban hành. Chưa bao gồm kinh phí thường xuyên đảm bảo thực hiện đề án phát triển giáo dục học sinh dân tộc thiểu số theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trên cơ sở định mức trên, nếu tỷ lệ chi giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) thấp so với tổng chi sự nghiệp giáo dục sẽ được bổ sung để đảm bảo theo tỷ lệ sau: Huyện Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai 17%; các huyện Đăk Glei, Sa Thầy, Kon Rẫy 15%; huyện Đăk Hà, Đăk Tô, Ngọc Hồi 14%; thành phố Kon Tum 13%. Tỷ lệ này chỉ áp dụng cho năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện; từng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, HĐND cấp huyện, thị xã, thành phố quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung gồm các chế độ chính sách gồm: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3 - 5 tuổi, kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật, hỗ trợ học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý giáo dục.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số (không kể dân số từ 1 - 18 tuổi).

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số (không kể dân số từ 1 - 18 tuổi):

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	1.785
Vùng cao	24.650

Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo, dạy nghề bao gồm các loại hình đào tạo, dạy nghề (chính quy, tại chức, cử tuyển, đào tạo lại, các loại hình đào tạo dạy nghề khác), trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện theo phân cấp.

b) Ngoài định mức phân bổ theo dân số được bổ sung quỹ tiền lương bộ máy của trung tâm chính trị theo biên chế được giao; hoạt động bộ máy trung tâm giáo dục thường xuyên trên cơ sở sát nhập trung tâm dạy nghề huyện với trung tâm giáo dục thường xuyên.

3. Tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số, đơn vị hành chính cấp xã; phân bổ theo tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương, khoán kinh phí hoạt động thôn theo nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Định mức phân bổ chi quản lý hành chính không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương:

- Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	26.520
Vùng cao	73.355

- Định mức phân bổ theo số đơn vị hành chính cấp xã:

+ Xã miền núi: 740 triệu đồng/xã/năm;

+ Xã vùng cao: 940 triệu đồng/xã/năm;

c) Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...) tính theo quy định hiện hành.

d) Trường hợp chi quản lý hành chính tính theo định mức (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương) tại mục a nêu trên nhỏ hơn 25% so với tổng chi quản lý hành chính sẽ được bổ sung đủ 25% bảo đảm tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa bằng 75%.

e) Bổ sung để đảm bảo mức khoán kinh phí hoạt động thôn theo nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh;

4. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa - thông tin:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và tiêu chí bổ sung tại điểm c khoản này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	2.465
Vùng cao	27.200

c) Phân bổ khu, điểm du lịch quốc gia được phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ TTg ngày 22/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được hỗ trợ 3.000 triệu đồng/ khu, điểm du lịch quốc gia.

5. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền hình:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và tiêu chí bổ sung tại điểm c khoản này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí theo dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	4.250
Vùng cao	19.550

Định mức phân bổ nêu trên đã bao gồm kinh phí thực hiện tăng thời lượng phát sóng phát thanh truyền hình bằng tiếng đồng bào dân tộc.

c) Đối với các huyện có trạm phát lại phát thanh truyền hình được phân bổ bổ sung với mức 150 triệu đồng/huyện. Tiếp tục duy trì hỗ trợ các trạm phát lại truyền hình vùng lõm 55 triệu/trạm.

6. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục thể thao:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí theo dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	1.440
Vùng cao	9.180

7. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung tại mục c khoản này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	3.400
Vùng cao	68.000

c) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội; chế độ điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc; chế độ hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo quy định của pháp luật.

Phân bổ với mức 240.000 đồng/gia đình thuộc diện chính sách để có thêm kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi, động viên các gia đình thuộc diện chính sách vào ngày lễ, tết.

8. Định mức phân bổ chi quốc phòng:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung tại mục c khoản này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	27.260
Vùng cao	56.260

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí đặc thù địa lý:

Đối với các huyện có biên giới đất liền được phân bổ kinh phí với mức 450 triệu đồng/xã biên giới để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Đối với huyện tiếp giáp biên giới hai tỉnh nước bạn được phân bổ thêm hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

9. Định mức phân bổ chi an ninh:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số và các tiêu chí bổ sung tại mục c khoản này.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	9.180
Vùng cao	19.940

c) Định mức phân bổ theo tiêu chí đặc thù địa lý:

Đối với các huyện có biên giới đất liền được phân bổ kinh phí với mức 330 triệu đồng/xã biên giới để có thêm kinh phí thực hiện nhiệm vụ an ninh. Đối với

huyện tiếp giáp biên giới hai tỉnh nước bạn được phân bổ thêm hệ số 1,4 lần/ xã biên giới.

10. Mức phân bổ chi hoạt động kinh tế:

a) Mức phân bổ chung: Bằng 5% các lĩnh vực chi (từ khoản 1 đến khoản 9 Điều 5).

b) Bổ sung đô thị được cấp có thẩm quyền công nhận: Đô thị loại II: 46.500 triệu đồng/năm; đô thị loại III: 12.750 triệu đồng/năm; đô thị loại IV: 8.500 triệu đồng/năm; đô thị loại V: 5.000 triệu đồng/năm.

c) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Kinh phí miễn thu thủy lợi phí; kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa.

11. Tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Tiêu chí phân bổ theo dân số.

b) Định mức phân bổ theo tiêu chí theo dân số:

Đơn vị: đồng/người dân/năm

Vùng	Định mức phân bổ
Miền núi	438.750
Vùng cao:	
- Thành phố Kon Tum, Đắk Hà, Đắk Tô, Ngọc Hồi	50.000
- Các huyện còn lại	40.000

12. Mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương:

a) Phân bổ theo tỷ trọng (bằng 0,5%) tổng các khoản chi thường xuyên đã tính được theo định mức phân bổ dự toán chi ngân sách quy định ở trên (từ Khoản 1 đến Khoản 11 Điều 5).

b) Phân bổ theo tiêu chí bổ sung: Đối với các huyện có biên giới đất liền với Lào, Campuchia được bổ sung kinh phí theo mức 210 triệu đồng/xã biên giới để thực hiện nhiệm vụ quan hệ với các địa phương nước bạn. Đối với huyện tiếp giáp biên giới hai tỉnh nước bạn được phân bổ thêm hệ số 1,4 lần/xã biên giới.

13. Đối với huyện có dân số thấp, huyện khó khăn được phân bổ thêm tỷ lệ % trên định mức phân bổ bình quân chung theo định mức dân số như sau: Huyện có dân số dưới 30 nghìn dân 20%; huyện mới thành lập IaH'Drai và huyện nghèo đang thụ hưởng chương trình 30a: 30%; huyện được hưởng chương trình 30a mở rộng 10%; huyện tỷ lệ hộ nghèo chiếm trên 50%: 20%, tỷ lệ hộ nghèo từ 40 đến 50%: 10%.

14. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách huyện 2017 làm cơ sở xác định tổng chi thường xuyên, trong đó chi tiết lĩnh vực giáo dục – đào tạo và

dạy nghề. Căn cứ khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình ở địa phương; Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân huyện ban hành định mức phân bổ chi ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2017, năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; đồng gửi UBND tỉnh để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 6. Đối với các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách

1. UBND tỉnh trình HĐND tỉnh:

- Căn cứ mức bổ sung cân đối ngân sách tăng thêm từ ngân sách trung ương, khả năng ngân sách tỉnh; UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tăng thêm số bổ sung cân đối ngân sách cho các huyện so năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Phương án xử lý trong trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách huyện tăng thu lớn.

- Hỗ trợ cho các huyện theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh trong trường hợp phát sinh thêm nhiệm vụ đặc biệt về an ninh, quốc phòng.

2. Khi có đơn vị hành chính mới được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền, được ngân sách trung ương hỗ trợ:

- Đối với thành phố, thị xã, huyện mới được thành lập hỗ trợ 17.000 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Đối với xã, phường, thị trấn mới thành lập thuộc vùng cao được hỗ trợ 3.400 triệu đồng/đơn vị/năm; thuộc miền núi 2.720 triệu đồng/đơn vị/năm.

3. Trong trường hợp cần thiết phải bổ sung hoặc sửa đổi các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSDP năm 2017, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hùng